

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA
SÀI GÒN

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo kiểm toán | 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2011 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 14 - 36 |
| 8. Phụ lục | 37 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét.

Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Vận tải theo Quyết định số 1935/QĐ-TCCB ngày 01 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003988 ngày 31 tháng 10 năm 2005 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần 1 đến lần 3 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh bất động sản.

Theo Quyết định số 87/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 4 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 4 năm 2010, cụ thể như sau:

| | |
|---------------------------------------|---------------------|
| - Mã chứng khoán: | SBC |
| - Loại chứng khoán: | Cổ phiếu phổ thông. |
| - Mệnh giá: | 10.000 VND. |
| - Số lượng: | 8.000.000 cổ phiếu. |
| - Tổng mệnh giá chứng khoán niêm yết: | 80.000.000.000 VND. |

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

| Cổ đông | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
|---|----------------|-----------|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn | 20.000.000.000 | 25,00 |
| Các cổ đông khác | 60.000.000.000 | 75,00 |
| Cộng | 80.000.000.000 | 100,00 |

Trụ sở hoạt động:

| | |
|---------------------|---|
| Địa chỉ | : 78 Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh |
| Văn phòng giao dịch | : 19A Cộng Hoà, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : (08) 39 482 742 |
| Fax | : (08) 39 482 743 |
| Mã số thuế | : 0304082452 |

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng ô tô;
- Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải;
- Mua bán rượu bia, nước giải khát;
- Sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Các công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Giấy phép hoạt động | Tỷ lệ sở hữu |
|---|--|--|--------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Trung (Sabetran Miền Trung) | Số 6 Nguyễn Thụy, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 20 tháng 9 năm 2007 | 53% |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây (Sabetran Miền Tây) | Đường số 5, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5403000059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 06 tháng 11 năm 2007 | 52% |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Bắc (Sabetran Miền Bắc) | Số 3 Trần Phú, TP. Vinh, Nghệ An | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 18 tháng 9 năm 2007 | 53% |

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty mẹ

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 giảm so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của biến động tăng giá nhiên liệu và chi phí vận chuyển thuê ngoài cũng như cung đường vận chuyển tăng do Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn đưa vào hoạt động 4 nhà máy sản xuất bia ở phía Bắc.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn chia cổ tức năm 2010 cho các cổ đông với tỷ lệ là 40% mệnh giá với số tiền 32.000.000.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2011.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------------|-----------------|
| Ông Văn Thanh Liêm | Chủ tịch | 09 tháng 9 năm 2005 | - |
| Ông Nguyễn Xuân Hải | Thành viên | 09 tháng 9 năm 2005 | - |
| Ông Nguyễn Quang Tiếp | Thành viên | 09 tháng 9 năm 2005 | - |
| Ông Nguyễn Ngọc Xuân | Thành viên | 09 tháng 9 năm 2005 | - |
| Ông Nguyễn Hoài Bắc | Thành viên | 09 tháng 9 năm 2005 | - |
| Ông Đàm Phan Liêm | Thành viên | 19 tháng 4 năm 2010 | - |
| Ông Nguyễn Hùng Dũng | Thành viên | 19 tháng 4 năm 2010 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|---------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Hữu Chương | Trưởng ban | 09 tháng 9 năm 2005 | - |
| Bà Nguyễn Thị Thùy Linh | Thành viên | 09 tháng 9 năm 2005 | - |
| Bà Lê Thị Mai Hương | Thành viên | 19 tháng 4 năm 2010 | - |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|-------------------|---------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Quang Tiếp | Tổng Giám đốc | 22 tháng 9 năm 2005 | - |
| Ông Nguyễn Hoài Bắc | Phó Tổng Giám đốc | 22 tháng 9 năm 2005 | - |
| Ông Đàm Phan Liêm | Phó Tổng Giám đốc | 05 tháng 4 năm 2008 | - |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Văn Thanh Liêm
Chủ tịch

Ngày 16 tháng 9 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0840/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn (Công ty mẹ) và 3 Công ty con là Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Trung, Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây và Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Bắc (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 25 tháng 8 năm 2011, từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy có một số khoản chi phí vận chuyển thuê ngoài của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2011 nhưng tạm thời chưa ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Theo giải trình của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn, khoản chi phí vận chuyển này sẽ được Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco điều chỉnh đơn giá vận chuyển bia trong 6 tháng cuối năm 2011 để Công ty bù đắp chi phí vận chuyển tăng lên do ảnh hưởng của việc tăng giá xăng dầu.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

**CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN**

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0092/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 230.450.126.543 | 233.896.343.013 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 23.666.338.953 | 50.030.447.842 |
| 1. Tiền | 111 | | 23.666.338.953 | 44.030.447.842 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 6.000.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 11.625.542.116 | 53.755.200.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 11.625.542.116 | 53.755.200.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 184.586.361.671 | 119.240.908.549 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 144.088.909.986 | 87.562.342.653 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 24.929.399.785 | 26.831.948.785 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 15.568.051.900 | 4.846.617.111 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.252.118.603 | 1.119.536.192 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 1.252.118.603 | 1.119.536.192 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 9.319.765.200 | 9.750.250.430 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 3.762.241.462 | 3.036.316.460 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 692.548.775 | 4.917.717.328 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 2.176.523.525 | 433.455.294 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.8 | 2.688.451.438 | 1.362.761.348 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 181.735.695.590 | 192.786.344.340 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 164.752.642.806 | 176.855.530.206 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 154.214.834.916 | 111.993.625.823 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 206.431.937.799 | 149.267.841.889 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (52.217.102.883) | (37.274.216.066) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 8.288.695.000 | 8.288.695.000 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 8.288.695.000 | 8.288.695.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.11 | 2.249.112.890 | 56.573.209.383 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 1.720.000.000 | 1.720.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.12 | 2.350.000.000 | 2.350.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.13 | (630.000.000) | (630.000.000) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 15.263.052.784 | 14.210.814.134 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.14 | 14.773.093.445 | 14.210.814.134 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 489.959.339 | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 412.185.822.133 | 426.682.687.353 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 191.404.184.211 | 185.325.948.595 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 109.741.962.798 | 103.253.256.637 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.15 | 9.378.000.000 | 17.699.612.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.16 | 67.010.783.818 | 50.267.463.858 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | - | - |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.17 | 7.807.319.093 | 11.090.989.190 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | V.18 | 4.109.927.033 | 5.794.832.889 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.19 | 13.069.891.080 | 5.972.905.143 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.20 | 2.328.625.514 | 664.144.307 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 6.037.416.260 | 11.763.309.250 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 81.662.221.413 | 82.072.691.958 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.21 | 81.421.178.878 | 81.734.611.878 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | 23.174.533 |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 241.042.535 | 314.905.547 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 169.116.382.888 | 193.569.698.997 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 169.116.382.888 | 193.569.698.997 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.22 | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.22 | 27.496.000.000 | 27.496.000.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | V.22 | 18.708.697.136 | 18.793.570.701 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.22 | 9.056.334.940 | 9.098.771.722 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.22 | 33.855.350.812 | 58.181.356.574 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | V.23 | 51.665.255.034 | 47.787.039.761 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 412.185.822.133 | 426.682.687.353 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-------------|------------|---|------------|---|
| | | | | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại | | - | - | - | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - | - | - |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2011

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Trần Bình Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Tiếp
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 396.333.844.555 | 291.221.430.245 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 396.333.844.555 | 291.221.430.245 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 345.807.013.167 | 248.501.468.080 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 50.526.831.388 | 42.719.962.165 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 2.136.828.803 | 2.147.620.420 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 5.297.794.113 | 4.501.832.133 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 5.297.794.113 | 4.501.832.133 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.4 | 6.606.033.108 | 3.045.384.584 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.5 | 18.279.323.922 | 9.190.093.971 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 22.480.509.048 | 28.130.271.897 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 79.821.696 | 3.294.028.344 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 3.473.418 | 778.064.087 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 76.348.278 | 2.515.964.257 |
| 14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 45 | | - | - |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 22.556.857.326 | 30.646.236.154 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.6 | 5.780.265.634 | 6.211.047.573 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.7 | (513.133.872) | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>17.289.725.564</u> | <u>24.435.188.581</u> |
| 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 7.103.739.108 | - |
| 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62 | | 10.185.986.456 | 24.435.188.581 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | <u>1.273</u> | <u>3.054</u> |

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Trần Bình Nam
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Quang Tiếp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 22.556.857.326 | 30.646.236.154 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.9 | 14.942.886.817 | 11.176.059.926 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.673.155.013) | (4.662.738.496) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 5.297.794.113 | 4.501.832.133 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 41.124.383.243 | 41.661.389.717 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (19.200.917.586) | (7.915.816.161) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (132.582.411) | (1.229.400.655) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (21.477.363.808) | (47.355.828.005) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (1.288.204.313) | (3.927.806.633) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (6.291.056.535) | (3.560.869.780) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.17 | (9.588.305.440) | (2.275.362.729) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 200.000.000 | 1.904.500.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (17.021.258.713) | (4.817.339.818) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (33.675.305.563) | (27.516.534.064) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (2.839.999.417) | (622.231.822) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 3.293.181.818 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (15.781.927.200) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 44.610.400.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (50.800.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 50.000.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 9.933.595.841 | 2.147.620.420 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 35.922.069.224 | 4.018.570.416 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|--------------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.15 | 8.100.000.000 | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.15 | (16.735.045.000) | (4.588.806.000) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.22 | (19.975.827.550) | (14.221.806.333) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <u><i>(28.610.872.550)</i></u> | <u><i>(18.810.612.333)</i></u> |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> | <i>50</i> | | <i>(26.364.108.889)</i> | <i>(42.308.575.981)</i> |
| <i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i> | <i>60</i> | <i>V.1</i> | <i>50.030.447.842</i> | <i>88.078.440.513</i> |
| <i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i> | <i>61</i> | | <i>-</i> | <i>-</i> |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i> | <i>70</i> | <i>V.1</i> | <u><i>23.666.338.953</i></u> | <u><i>45.769.864.532</i></u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2011

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Trần Bình Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Tiếp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần của Công ty mẹ
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vận tải hàng hóa; Mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị vận tải; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng; Kinh doanh bất động sản.

- Tổng số các công ty con** : 3
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 3
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ</i> | <i>Tỷ lệ phần sở hữu</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|---|--|--------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Trung (Sabetran Miền Trung) | Số 6 Nguyễn Thụy, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi | 53% | 53% |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Tây (Sabetran Miền Tây) | Đường số 5, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ | 52% | 52% |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn Miền Bắc (Sabetran Miền Bắc) | Số 3 Trần Phú, TP. Vinh, Nghệ An | 53% | 53% |

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 có 546 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn.

7. Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn

Lợi nhuận 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của biến động tăng giá nhiên liệu và chi phí vận chuyển thuê ngoài cũng như cung đường vận chuyển tăng do Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn đưa vào hoạt động 4 nhà máy sản xuất bia ở phía Bắc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm 2010 chỉ bao gồm số liệu của riêng Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập căn cứ vào việc đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 6 – 7 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 7 |

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Phần mềm máy tính

Chi phí phần mềm máy tính đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.

Chi phí khác

Chi phí thuê đất, bảo hiểm, thuê bãi xe, thuê văn phòng... được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời hạn của hợp đồng.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập và chi phí

Dịch vụ vận chuyển

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển bia được ghi nhận theo số lít bia xuất bán từ các nhà máy sản xuất cho các công ty đảm nhận việc tiêu thụ sản phẩm bia trực thuộc Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn (thương mại Sabeco).

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển các mặt hàng khác được ghi nhận căn cứ vào biên bản xác định khối lượng từng chuyến vận chuyển và khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Chi phí liên quan đến dịch vụ vận chuyển được ghi nhận khi phát sinh.

Bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí liên quan đến bán hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các Công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 369.946.111 | 452.199.364 |
| Tiền gửi ngân hàng | 23.296.392.842 | 43.578.248.478 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 6.000.000.000 |
| <i>Tiền gửi Ngân hàng từ 3 tháng trở xuống</i> | | |
| Cộng | <u>23.666.338.953</u> | <u>50.030.447.842</u> |

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 1 năm.

Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn với số tiền 8.384.542.116 VND và tại Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Nam Sài Gòn với số tiền là 1.041.000.000 VND đã được dùng để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam (xem thuyết minh số V.5).

3. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 138.788.288.100 | 85.091.140.900 |
| Phải thu khách hàng khác | 5.300.621.886 | 2.471.201.753 |
| Cộng | <u>144.088.909.986</u> | <u>87.562.342.653</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | 1.784.514.651 | 3.999.134.507 |
| Các nhà cung cấp khác | 23.144.885.134 | 22.832.814.278 |
| Cộng | <u>24.929.399.785</u> | <u>26.831.948.785</u> |

5. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 254.597.106 | 1.871.371.267 |
| Thuế thu nhập cá nhân nhân viên trước và sau cổ phần hóa | 22.332.571 | 4.977.363 |
| Phải thu về cổ phần hóa | 195.251.931 | 195.251.931 |
| BHXH, BHYT phải thu của người lao động | 78.925.103 | 61.550.390 |
| Thu tiền các khách hàng hộ cho Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương | - | 1.128.923.464 |
| Phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam ⁽ⁱ⁾ | 13.301.185.084 | - |
| Phải thu khác | 1.715.760.105 | 1.584.542.696 |
| Cộng | <u>15.568.051.900</u> | <u>4.846.617.111</u> |

(i) Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam thông qua các Hợp đồng cầm cố tài sản là các sổ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn với tổng số tiền bảo lãnh là 18.200.000.000 VND và tại Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Nam Sài Gòn với tổng số tiền bảo lãnh là 975.353.645 VND. Do Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam không thanh toán được các khoản nợ đúng hạn nên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn đã xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ. Số dư nợ cuối kỳ bao gồm 13.256.335.152 VND nợ gốc và 44.849.932 VND lãi phải thu.

6. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.170.359.170 | 1.074.596.909 |
| Công cụ, dụng cụ | 81.759.433 | 44.939.283 |
| Cộng | <u>1.252.118.603</u> | <u>1.119.536.192</u> |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ. | 196.744.011 | 304.600.038 |
| Chi phí mua bảo hiểm | 1.263.944.781 | 1.451.969.356 |
| Chi phí khác | 2.301.552.670 | 1.279.747.066 |
| Cộng | <u>3.762.241.462</u> | <u>3.036.316.460</u> |

8. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tạm ứng | 2.588.451.438 | 1.262.761.348 |
| Các khoản ký quỹ ngắn hạn | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Cộng | <u>2.688.451.438</u> | <u>1.362.761.348</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---|---------------------------|------------------------|------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 152.543.636 | 99.401.400 | 145.001.476.306 | 4.014.420.547 | 149.267.841.889 |
| Mua sắm mới | - | 341.000.000 | - | 325.274.909 | 666.274.909 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | - | - | 56.497.821.001 | - | 56.497.821.001 |
| Số cuối kỳ | 152.543.636 | 440.401.400 | 201.499.297.307 | 4.339.695.456 | 206.431.937.799 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | 1.578.164.786 | 210.621.774 | 1.788.786.560 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 69.658.304 | 43.441.936 | 36.168.474.870 | 992.640.956 | 37.274.216.066 |
| Khấu hao trong kỳ | 15.324.364 | 18.590.989 | 14.263.444.606 | 645.526.858 | 14.942.886.817 |
| Số cuối kỳ | 84.982.668 | 62.032.925 | 50.431.919.476 | 1.638.167.814 | 52.217.102.883 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 75.203.724 | 55.959.464 | 108.833.001.436 | 3.029.461.199 | 111.993.625.823 |
| Số cuối kỳ | 67.560.968 | 378.368.475 | 151.067.377.831 | 2.701.527.642 | 154.214.834.916 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số phương tiện vận tải có nguyên giá là 155.465.222.515 VND và giá trị còn lại 112.562.299.613 VND đã được thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21).

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là giá trị quyền sử dụng đất, bao gồm:

| | |
|--|----------------------|
| Giá trị quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi | 935.890.000 |
| Giá trị quyền sử dụng đất tại Vĩnh Long | 3.600.000.000 |
| Giá trị quyền sử dụng đất tại Nghệ An | 3.752.805.000 |
| Cộng | 8.288.695.000 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | |
|------------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 56.573.209.383 |
| Chi phí phát sinh trong kỳ | 1.763.114.202 |
| Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | (56.087.210.695) |
| Số cuối kỳ | 2.249.112.890 |

Số dư cuối kỳ bao gồm:

| | |
|---|---------------|
| Mua sắm tài sản cố định tại Sabetran Miền Trung | 499.128.749 |
| Chi phí công trình xây dựng văn phòng tại Sabetran Miền Bắc | 1.749.529.596 |
| Chi phí công trình xây dựng văn phòng tại Sabetran Miền Trung | 454.545 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------|----------------------|------------|----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Đầu tư cổ phiếu: | | | | |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm SABECO | 90.000 | 1.350.000.000 | 90.000 | 1.350.000.000 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phù Lý | 100.000 | 1.000.000.000 | 100.000 | 1.000.000.000 |
| Cộng | | 2.350.000.000 | | 2.350.000.000 |

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | (630.000.000) | (450.000.000) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | - |
| Số cuối kỳ | (630.000.000) | (450.000.000) |

14. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ dụng cụ | 1.262.210.303 | 198.175.106 |
| Chi phí thuê văn phòng | 5.530.525.600 | 7.240.916.200 |
| Tiền thuê đất trả trước | 5.368.421.052 | 6.000.000.000 |
| Chi phí khác | 2.611.936.490 | 771.722.828 |
| Cộng | 14.773.093.445 | 14.210.814.134 |

15. Vay và nợ ngắn hạn

| | Số đầu năm | Số tiền vay trong kỳ | Số kết chuyển | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--|-----------------------|----------------------|--------------------|-----------------------------|----------------------|
| Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Nam Sài Gòn | 14.378.000.000 | - | - | (5.000.000.000) | 9.378.000.000 |
| Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Nam Sài Gòn | 2.900.000.000 | 8.100.000.000 | - | (11.000.000.000) | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn | 421.612.000 | | 313.433.000 | (735.045.000) | - |
| Cộng | 17.699.612.000 | 8.100.000.000 | 313.433.000 | (16.735.045.000) | 9.378.000.000 |

16. Phải trả người bán

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả cho các bên liên quan | 13.634.445.830 | 4.922.393.382 |
| Các nhà cung cấp khác | 53.376.337.988 | 45.345.070.476 |
| Cộng | 67.010.783.818 | 50.267.463.858 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 4.105.674.372 | 2.930.450.936 | (4.105.674.372) | 2.930.450.936 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (*) | 5.692.004.721 | 5.780.265.634 | (9.588.305.440) | 1.883.964.915 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 859.854.802 | 7.114.124.648 | (7.157.599.733) | 816.379.717 |
| Tiền thuê đất | - | 501.525.400 | (501.525.400) | - |
| Các loại thuế khác | - | 9.000.000 | (9.000.000) | - |
| Các loại phí, lệ phí khác | - | 143.646.000 | (143.646.000) | - |
| Cộng | <u>10.657.533.895</u> | <u>16.479.012.618</u> | <u>(21.505.750.945)</u> | <u>5.630.795.568</u> |

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp cuối kỳ bao gồm:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 4.060.488.440
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa: (2.176.523.525)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho loại hình vận chuyển là 10%, hoạt động cho thuê kho bãi, thương mại là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty mẹ hoạt động kinh doanh có lãi. Năm 2011 là thứ 6 kể từ khi hoạt động kinh doanh có lãi nên được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập khác của Công ty mẹ và thu nhập của các công ty con nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%.

Tiền thuê đất

Công ty mẹ phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 23.990 m² đất đang sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả nhân viên.

19. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí thuê xe vận chuyển | 9.683.702.634 | 1.372.893.522 |
| Chi phí lãi vay ngân hàng | 1.326.263.364 | 2.319.525.786 |
| Chi phí phải trả khác | 2.059.925.082 | 2.280.485.835 |
| Cộng | <u>13.069.891.080</u> | <u>5.972.905.143</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|--------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn | 303.427.628 | 376.817.814 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 406.683.334 | 247.216.875 |
| Nhận ký quỹ | 4.042.500 | 4.042.500 |
| Hao bẻ do vận chuyển | 306.866.202 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.307.605.850 | 36.067.118 |
| Cộng | 2.328.625.514 | 664.144.307 |

21. Vay và nợ dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Nam Sài Gòn ⁽ⁱ⁾ | 80.575.178.878 | 80.575.178.878 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾ | 846.000.000 | 1.159.433.000 |
| Cộng | 81.421.178.878 | 81.734.611.878 |

⁽ⁱ⁾ Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh Nam Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số TA0907.07/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2007 để đầu tư mua tài sản là phương tiện vận tải với lãi suất 0,808%/tháng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay
- Hợp đồng tín dụng số TD.1320.09/HĐTD ngày 24 tháng 7 năm 2009 để nhập khẩu ủy thác phương tiện vận tải với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty.
- Hợp đồng tín dụng để đầu tư 25 xe ô tô tải, số tiền vay tối đa là 20.000.000.000 VND, lãi suất tiền vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng 0,3%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị định giá là 20.865.000.000 VND.
- Hợp đồng tín dụng để đầu tư mua 16 phương tiện vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 16 xe vận tải theo Hợp đồng thế chấp số 1118.10/HĐTC ngày 30 tháng 9 năm 2010.
- Hợp đồng tín dụng để đầu tư 20 xe tải có thời hạn 60 tháng với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng với biên độ 0,3%/tháng (biên độ được điều chỉnh 6 tháng 1 lần). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 09.006.0012/HĐTD ngày 05 tháng 8 năm 2009 để đầu tư mua tài sản là phương tiện vận tải với lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | |
|--|-----------------------|
| Số đầu năm | 81.734.611.878 |
| Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả | (313.433.000) |
| Số cuối kỳ | 81.421.178.878 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi cổ tức năm trước | 19.975.827.550 | 14.221.806.333 |
| Tạm ứng cổ tức | - | - |
| Cộng | <u>19.975.827.550</u> | <u>14.221.806.333</u> |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.000.000 | 8.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 8.000.000 | 8.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 8.000.000 | 8.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 8.000.000 | 8.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 8.000.000 | 8.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

23. Cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Chi tiết lợi ích của cổ đông thiểu số gồm:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Vốn đầu tư | 37.390.000.000 | 37.290.000.000 |
| Lợi nhuận của cổ đông thiểu số | 11.432.488.441 | 8.941.831.289 |
| Các quỹ của cổ đông thiểu số | 2.842.766.593 | 1.555.208.472 |
| Cộng | <u>51.665.255.034</u> | <u>47.787.039.761</u> |

Biến động lợi ích của cổ đông thiểu số trong kỳ như sau:

| | |
|---|------------------------------|
| Số đầu năm | 47.787.039.761 |
| Góp vốn trong kỳ | 100.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 7.103.739.108 |
| Tặng khác | 4.734.740.185 |
| Cổ tức được chia | (6.750.000.003) |
| Chi khen thưởng hoàn thành kế hoạch | (608.078.674) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | (702.185.343) |
| Số cuối kỳ | <u>51.665.255.034</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng doanh thu | 396.333.844.555 | 291.221.430.245 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 1.937.300.680 | 700.864.046 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 394.396.543.875 | 290.520.566.199 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần | 396.333.844.555 | 291.221.430.245 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 1.804.614.855 | 681.058.530 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 344.002.398.312 | 247.820.409.550 |
| Cộng | 345.807.013.167 | 248.501.468.080 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 463.673.790 | 648.314.865 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.523.259.940 | 1.499.305.555 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 149.895.073 | - |
| Cộng | 2.136.828.803 | 2.147.620.420 |

4. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 5.785.906.149 | 2.682.527.043 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ | 169.186.188 | 104.538.417 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 59.136.124 | 24.708.489 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 359.370.609 | 145.221.179 |
| Chi phí bằng tiền khác | 232.434.038 | 88.389.456 |
| Cộng | 6.606.033.108 | 3.045.384.584 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 11.167.050.965 | 3.978.540.315 |
| Chi phí nguyên vật liệu quản lý | 877.557.990 | 367.301.156 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 683.963.977 | 95.181.802 |
| Thuế, phí và lệ phí | 220.341.400 | 203.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.137.584.365 | 2.419.032.669 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.192.825.225 | 2.127.038.029 |
| Cộng | 18.279.323.922 | 9.190.093.971 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ | 385.923.467 | 6.211.047.573 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành của Sabetran | | |
| - Miền Trung | 2.999.699.811 | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành của Sabetran | | |
| - Miền Tây | 1.335.233.812 | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành của Sabetran | | |
| - Miền Bắc | 1.059.408.544 | - |
| Cộng | 5.780.265.634 | 6.211.047.573 |

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Sabetran Miền Tây phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.185.986.456 | 24.435.188.581 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 10.185.986.456 | 24.435.188.581 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 8.000.000 | 8.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.273 | 3.054 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 81/HĐHTĐT/SGB-TTG ngày 26 tháng 10 năm 2009 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy, hai bên cùng hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà cao cấp hỗn hợp làm văn phòng cho thuê và căn hộ dịch vụ (bán và cho thuê) tại số 78 Tôn Thất Thuyết, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh với vốn đầu tư dự kiến 950.000.000.000 VND. Công ty góp vốn bằng quyền thuê khu đất 22.990 m² tại số 78 Tôn Thất Thuyết, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Hiện tại dự án đang được triển khai và Công ty đã di chuyển trụ sở về số 19A đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Trụ sở văn phòng cũ hiện đang được chuẩn bị dọn dẹp để xây dựng tòa nhà văn phòng theo dự án nêu trên.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Thù lao | 932.550.000 | 885.995.000 |
| Thu nhập | 2.452.310.999 | 1.188.840.575 |
| Cộng | <u>3.384.860.999</u> | <u>2.074.835.575</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

| | |
|--|---|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn | Cổ đông sáng lập nắm giữ 25,00% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại | Cổ đông sáng lập nắm giữ 1,96% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu | Cổ đông sáng lập nắm giữ 2,24% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9 | Cổ đông sáng lập nắm giữ 1,40% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Trung | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Tiền | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Hậu | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Trung Tâm | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bao bì Sài Gòn | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia rượu Sài Gòn Đồng Xuân | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nam | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|---|
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Thọ | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sabeco | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Nước khoáng Dakai | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Sabeco | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý | Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương | Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam | Công ty có cùng người quản lý |

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn và các chi nhánh | | |
| Mua thùng giấy | 14.991.650 | 23.177.000 |
| Thuế GTGT | 1.499.165 | 2.317.700 |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 132.693.514 | 192.393.488 |
| Thuế GTGT | 13.269.351 | 19.239.347 |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại | | |
| Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển | 16.457.601.410 | 7.490.326.979 |
| Thuế GTGT | 1.645.760.141 | 749.032.699 |
| Doanh thu bán thùng giấy | 7.404.589 | - |
| Thuế GTGT | 740.459 | - |
| Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu | | |
| Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển | 33.827.596.748 | 32.280.951.397 |
| Thuế GTGT | 3.382.759.680 | 3.228.095.139 |
| Doanh thu bán thùng giấy | 20.319.125 | 156.000 |
| Thuế GTGT | 2.031.913 | 15.600 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9 | | |
| Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển | 13.075.312.910 | 10.581.198.555 |
| Thuế GTGT | 1.307.531.290 | 1.058.119.855 |
| Chi phí thuê kho tại Thới An | 172.260.000 | - |
| Thuế GTGT | 17.226.000 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 721.186.281 | 2.475.748.507 |
| Thuế GTGT | 72.118.628 | 247.574.851 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Trung và các chi nhánh | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 20.179.330.296 | 24.375.276.048 |
| Thuế GTGT | 2.017.933.030 | 2.437.527.605 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên và các chi nhánh | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 37.519.714.988 | 31.892.621.285 |
| Thuế GTGT | 3.751.971.499 | 3.189.262.129 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ và các chi nhánh | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 48.085.770.306 | 54.632.349.642 |
| Thuế GTGT | 4.808.577.031 | 5.463.234.964 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông và các chi nhánh | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 60.318.684.362 | 35.119.667.296 |
| Thuế GTGT | 6.031.868.437 | 3.511.966.730 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Tiền và các chi nhánh | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 45.803.170.506 | 27.435.572.868 |
| Thuế GTGT | 4.580.317.051 | 2.743.557.287 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Hậu và các chi nhánh | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 39.594.465.649 | 23.519.651.098 |
| Thuế GTGT | 3.959.446.565 | 2.351.965.110 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây và chi nhánh | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 375.559.023 | 84.395.580 |
| Thuế GTGT | 37.555.904 | 8.439.560 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Trung Tâm | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 128.925.546.259 | 82.957.732.914 |
| Thuế GTGT | 12.892.554.626 | 8.295.773.292 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | - | 12.752.460 |
| Thuế GTGT | - | 1.275.246 |
| Công ty Cổ phần Bao bì Sài Gòn | | |
| Doanh thu cho thuê kho bãi | 203.455.200 | 601.508.110 |
| Thuế GTGT | 20.345.520 | 60.150.810 |
| Chi phí mua thùng giấy | 346.000.000 | - |
| Thuế GTGT | 34.600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây | | |
| Doanh thu vận chuyển rượu và vật tư | - | 58.238.855 |
| Thuế GTGT | - | 5.823.885 |
| Công ty Cổ phần Bia rượu Sài Gòn Đồng Xuân | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 77.249.672 | - |
| Thuế GTGT | 7.724.967 | - |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nam | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 53.233.193 | - |
| Thuế GTGT | 5.323.319 | - |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 133.781.445 | 509.048.583 |
| Thuế GTGT | 13.378.144 | 50.904.859 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Thọ | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 105.489.019 | - |
| Thuế GTGT | 10.548.903 | - |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 127.207.637 | - |
| Thuế GTGT | 12.720.764 | - |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh và chi nhánh | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 63.966.339 | - |
| Thuế GTGT | 6.396.634 | - |
| Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Tây Đô | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 874.876.464 | 127.733.760 |
| Thuế GTGT | 87.487.646 | 12.773.376 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 2.279.973.866 | - |
| Thuế GTGT | 227.997.386 | - |
| Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 3.315.715.524 | 1.486.320.000 |
| Thuế GTGT | 331.571.550 | 148.632.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sabeco | | |
| Doanh thu vận chuyển bia và vật tư | 3.100.000 | - |
| Thuế GTGT | 310.000 | - |
| Công ty Cổ phần nước khoáng Dakai | | |
| Doanh thu vận chuyển nước khoáng | - | 285.560 |
| Thuế GTGT | - | 28.556 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương | | |
| Doanh thu vận chuyển nước giải khát | 3.740.896.920 | - |
| Thuế GTGT | 374.089.692 | - |
| Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau: | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Sài Gòn và các chi nhánh | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 24.062.988 | 274.949.974 |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại | | |
| Phải thu bán thùng giấy | 4.139.850 | - |
| Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu | | |
| Phải thu bán thùng giấy | 22.351.038 | 6.160.994 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9 | | |
| Ứng trước chi phí cước vận chuyển | 1.784.514.651 | 3.999.134.507 |
| Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco | | |
| Phải thu cước vận chuyển | - | 2.144.140.079 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| <i>Trung và các chi nhánh</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 4.618.053.585 | 240.199.159 |
| <i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên và các chi nhánh</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 9.560.247.680 | 1.068.144.825 |
| <i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Nam Trung Bộ và các chi nhánh</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 13.074.365.740 | 381.959.936 |
| <i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông và các chi nhánh</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 27.975.747.457 | 3.182.543.740 |
| <i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Tiền và các chi nhánh</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 20.698.240.840 | 6.692.905.971 |
| <i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Hậu và các chi nhánh</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 10.740.005.749 | 9.289.502.228 |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây và chi nhánh</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 1 | 648.817.895 |
| <i>Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Trung Tâm</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 38.608.137.693 | 54.429.512.572 |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | - | 141.806.500 |
| <i>Công ty Cổ phần Bao bì Sài Gòn</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 3.309.973.360 | 3.086.172.640 |
| <i>Công ty Cổ phần Bia rượu Sài Gòn Đông Xuân</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 57.418.960 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 80.850.000 | 80.850.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nam</i> | | |
| Phải thu cước vận chuyển | 37.187.472 | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội</i> Phải thu cước vận chuyển | 938.426.731 | 1.265.967.059 |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Thọ</i> Phải thu cước vận chuyển | 41.032.795 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu</i> Phải thu cước vận chuyển | 35.531.068 | 35.531.068 |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh và các chi nhánh</i> Phải thu cước vận chuyển | 139.357.978 | 111.499.378 |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô</i> Phải thu cước vận chuyển | 960.826.087 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Lam</i> Phải thu cước vận chuyển | 2.507.971.252 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam</i> Phải thu cước vận chuyển | 5.282.239.074 | 1.634.952.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung và các chi nhánh</i> Phải thu cước vận chuyển | - | 119.017.602 |
| <i>Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương</i> Phải thu cước vận chuyển | 3.214.168.650 | 995.874.880 |
| <i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam</i> Thanh toán hộ tiền vay cho Ngân hàng (xem thuyết minh số V.5) | 13.301.185.084 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi</i> Phải thu tiền vận chuyển | 29.025.260 | - |
| Cộng nợ phải thu | <u>157.045.061.043</u> | <u>89.829.643.007</u> |
| <i>Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại</i> Chi phí cước vận chuyển | 5.155.584.634 | 2.895.081.980 |
| <i>Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận và Thương mại Quang Châu</i> | | |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cước vận chuyển | 1.244.879.171 | 3.667.433.123 |
| <i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sài Gòn 9</i> | | |
| Phí vận chuyển | - | 2.426.922.886 |
| <i>Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn</i> | | |
| Mua thùng giấy | 394.762.500 | - |
| Cộng nợ phải trả | <u>6.795.226.305</u> | <u>8.989.437.989</u> |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thoả thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thoả thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là cung cấp dịch vụ vận chuyển tại Việt Nam.

4. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 1.235.202.000 | 1.270.404.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 4.800.000.000 | 4.800.000.000 |
| Trên 5 năm | 16.900.000.000 | 17.500.000.000 |
| Cộng | <u>22.935.202.000</u> | <u>23.570.404.000</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2011

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Trần Bình Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Tiếp
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ GIAO NHẬN BIA SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 78 Tôn Thất Thuyết, P.16, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 80.000.000.000 | 27.496.000.000 | 12.799.346.429 | 8.530.934.108 | 68.532.857.856 | 197.359.138.393 |
| Lợi nhuận công ty liên kết năm trước | - | - | - | - | 13.961.459.818 | 13.961.459.818 |
| Chi thường & trích quỹ tại Công ty liên kết | - | - | - | - | (3.211.678.879) | (3.211.678.879) |
| Lợi nhuận của công ty mẹ trong năm trước | - | - | - | - | 41.891.823.761 | 41.891.823.761 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | - | 5.994.224.272 | 567.837.614 | (9.717.098.086) | (3.155.036.200) |
| Chia cổ tức năm 2009, ứng cổ tức 2010 | - | - | - | - | (43.608.872.658) | (43.608.872.658) |
| Khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, công nhân viên | - | - | - | - | (7.335.000.000) | (7.335.000.000) |
| Chi tài trợ, hỗ trợ, cứu trợ lũ lụt | - | - | - | - | (2.332.135.237) | (2.332.135.237) |
| Số dư cuối năm trước | 80.000.000.000 | 27.496.000.000 | 18.793.570.701 | 9.098.771.722 | 58.181.356.574 | 193.569.698.997 |
| Số dư đầu năm nay | 80.000.000.000 | 27.496.000.000 | 18.793.570.701 | 9.098.771.722 | 58.181.356.574 | 193.569.698.997 |
| Lợi nhuận trong kỳ của Công ty mẹ | - | - | - | - | 2.241.324.797 | 2.241.324.797 |
| Phần lợi nhuận trong kỳ tại các công ty con | - | - | - | - | 7.944.661.659 | 7.944.661.659 |
| Trích quỹ và chi thường tại các công ty con | - | - | 409.954.213 | 204.977.107 | (2.077.967.552) | (1.463.036.232) |
| Chia cổ tức năm 2010 | - | - | - | - | (20.119.460.675) | (20.119.460.675) |
| Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, công nhân viên | - | - | - | - | (7.582.065.473) | (7.582.065.473) |
| Chi tài trợ, hỗ trợ, cứu trợ lũ lụt | - | - | - | - | (540.000.000) | (540.000.000) |
| Chi thường Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sabeco | - | - | - | - | (200.000.000) | (200.000.000) |
| Giảm khác | - | - | (494.827.778) | (247.413.889) | (3.992.498.518) | (4.734.740.185) |
| Số dư cuối kỳ | 80.000.000.000 | 27.496.000.000 | 18.708.697.136 | 9.056.334.940 | 33.855.350.812 | 169.116.382.888 |



Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu



Trần Bình Nam
Kế toán trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Quang Tiếp
Tổng Giám đốc

